

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

Bản án số: 29/2024/HS-ST
Ngày 24 - 4 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngôn Thị Liêm

Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Văn Nọong – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:** Ông Lương Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 09/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST - HS ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/HSST-QĐ ngày 01/4/2024 đối với bị cáo:

Thẩm Văn T, giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 06/01/1997, tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Thẩm Văn H, sinh năm 1972 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nông Văn D1 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. (Có mặt)

* **Bị hại:** Hoàng Thị T1, sinh năm 1973. Trú tại: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt).

* **Người làm chứng:**

1/ Hoàng Thị D, sinh năm 1975; trú tại: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

2/ Thẩm Văn H, sinh năm 1972, trú tại: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

3/ Hoàng Thị Đ, sinh năm 1968, trú tại: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

(Những người làm chứng có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 17/10/2023, tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, bà Hoàng Thị T1 đi làm đồng về, khi đi qua đoạn sát nhà bà D thì bà T1 thấy một cây vầu (cây đòn gánh rơm) của nhà bà D chắn ngang lối đi nên bỏ cây vầu ra cạnh đường. Lúc này, bà D đang thu thóc trên sân nhà của mình nhìn thấy nên giữa bà T1 và bà D xảy ra cãi nhau. Thảm Văn T (con trai bà D) đang nhặt rau ở trong nhà nghe thấy tiếng cãi nhau. Do hai gia đình có mâu thuẫn từ trước nên T cầm theo cái then cửa bằng gỗ dài 104 x 05cm, dày 5cm chạy ra đứng trên sân phơi thóc, ném cái then cửa về phía bà T1 nhưng không trúng. T chạy xuống cầu thang để lấy then cửa nhưng thấy bà T1 tay cầm dao nên quay lên nhà. Thấy cái cào thóc cán dài 176 cm, đường kính 3cm, đầu bồ cào 56x14 cm, dày 2,5cm dựng cạnh tường gần cửa ra vào, T cầm lấy ném về phía bà T1 trúng vào vùng góc mắt trái, làm bà T1 chảy máu, ngã xuống đất. Thấy vậy, ông Thảm Văn H (bố của Thảm Văn T) đi xuống xem bà T1 bị thương như thế nào nhưng thấy bà Hoàng Thị Đ là hàng xóm đi đến nên ông H cầm chiếc bồ cào lên và lôi T vào nhà. Bà T1 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa huyện T. Sau đó, Công an xã Đ, huyện T, tỉnh Bằng đã tiếp nhận vụ việc và tạm giữ 01 (một) chiếc then cửa, 01 (một) bồ cào, 01 (một) dao quắm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 196/23/TgT ngày 13/11/2023 của Trung tâm pháp y Sở Y kết luận: vết sẹo vùng trán bên trái, kích thước nhỏ 03%; vết sẹo mi dưới mắt trái, kích thước nhỏ 03%; gãy thành xoang hàm trái 09%; gãy xương chính mũi không ảnh hưởng đến chức năng thở 07%. Kết luận: xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hoàng Thị T1 tại thời điểm giám định là 20% (hai mươi phần trăm).

Ngày 28/11/2023, Cơ quan Điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác định vị trí xảy ra vụ án. Thảm Văn T xác định được vị trí và thực hiện được hành vi cố ý gây thương tích của mình phù hợp với lời khai, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án gồm 01 (một) khúc gỗ màu nâu có kích thước 104 x 05cm, dày 06 cm; 01 (một) cây bồ cào bằng gỗ, cán dài 176 cm, đường kính 3cm, đầu bồ cào 56 x 14 cm, dày 2,5cm, phần đầu bồ cào được gắn ở đầu cán gỗ; 01 con dao quắm dài 50 cm, bản rộng 07 cm, chuôi bằng gỗ dài 10 cm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã ban hành quyết định chuyển vật chứng của vụ án từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh để đảm bảo việc xét xử và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSTK ngày 19 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo Thảm Văn T ra trước

Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Thẩm Văn T thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo. Ngày 17/10/2023 bị cáo đã có hành vi dùng cây bô cào ném trúng vùng góc mắt bên trái, làm bà T1 chảy máu, ngã xuống đất gây thương tích cho bà T1 là 20%, bị cáo nhận thức được hành vi là sai và rất hối hận về hành vi của mình.

Bị hại trình bày: Ngày 17/10/2023 bà bị T dùng cây then cửa đánh nhiều lần và bà T1 không nhất trí với kết luận giám định pháp y nhưng khi nhận được kết luận giám định bà không có ý kiến gì. Nay bà yêu cầu bị cáo T phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi bị cáo gây ra và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà chi phí khám, điều trị vết thương theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không có đề nghị, yêu cầu cũng như ý kiến gì thêm.

Những người làm chứng trình bày: Bà D và ông H xác nhận nội dung vụ việc đúng như bản Cáo trạng đã phản ánh. Sau khi sự việc xảy ra, trên đường đi làm đồng về khi đến đoạn đường lên nhà bà T1 bà thấy bà T1 đang nằm trên mặt đất trong tình trạng mặt bị chảy máu, ngất đi nên đã hô hoán chồng bà T1 đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện T.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thẩm Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thẩm Văn T mức án tù 18 tháng tù - 21 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585; Điều 590 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Buộc bị cáo Thẩm Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hoàng Thị T1 chi phí cho việc điều trị hợp lý đã có hóa đơn, chứng từ và một khoản tiền mất thu nhập 10 ngày nằm viện của bị hại và người chăm sóc. Với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 20% buộc bị cáo Thẩm Văn T phải bồi thường cho bị hại mức bồi thường khoảng 10 lần mức lương cơ sở.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) khúc gỗ màu nâu có kích thước 104 x 05cm, dày 06 cm; 01 (một) cây bô cào bằng gỗ, cán dài 176 cm, đường kính 3cm, đầu bô cào 56 x 14 cm, dày 2,5cm, phần đầu bô cào được gắn

ở đầu cán gổ; 01 con dao quắm dài 50 cm, bản rộng 07 cm, chuôi bằng gổ dài 10 cm do không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên bị cáo T được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Về cơ bản nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát đề nghị, tuy nhiên Hội đồng xét xử cần xem xét hoàn cảnh phạm tội của bị cáo cũng do một phần lỗi của bị hại. Khi mẹ bị cáo và bị hại xảy ra cãi nhau, to tiếng thì bà T1 trong tay đang cầm con dao quắm, do hai gia đình có mâu thuẫn từ trước lo sợ bà T1 gây hại cho mẹ mình nên bị cáo không làm chủ được cảm xúc đã ném chiếc bô cào thóc trúng góc mắt bà T1 và gây thương tích cho bà T1 là 20%. Bị cáo có nhân thân tốt, trước khi xảy ra sự việc chưa gây sự với ai, sau khi xảy ra sự việc bị cáo và gia đình có thiện chí bồi thường nhưng gia đình bị hại yêu cầu mức bồi thường quá cao và do hai gia đình có mâu thuẫn từ trước nên không thỏa thuận được mức bồi thường. Do đó, gia đình bị cáo đã tạm nộp tiền tại thi hành án để khắc phục hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử cho bị cáo được hưởng án treo. Về phần dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yêu cầu của bị hại theo quy định của pháp luật. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo vì bị cáo người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí.

Bị cáo nhất trí với luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo về tội danh, hành vi phạm tội, mức hình phạt và quan điểm xử lý vật chứng nên không có ý kiến tranh luận.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh không nhất trí áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo T hưởng án treo vì khi xảy ra sự việc lẽ ra bị cáo phải bình tĩnh, kiềm chế cảm xúc cá nhân để giải hòa mâu thuẫn cho mẹ bị cáo và bà T1. Hơn nữa, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp làm ảnh hưởng tới sức khỏe của người khác. Với hành vi của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự là phù hợp với tính chất, mức độ mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ cũng như diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu và phù hợp với vật chứng đã thu được của bị cáo T. Cụ thể: Khoảng 17 giờ ngày 17/10/2023, tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, Thảm Văn T thấy mẹ mình là bà Hoàng Thị D và bà Hoàng Thị T1 cãi chửi nhau. Thảm Văn T đã dùng bồ cào bằng gỗ ném trúng vào đầu bà Hoàng Thị T1 gây thương tích 20%.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, đồng thời khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi dùng bồ cào thóc ném vào người khác có thể gây ra tổn thương và thực tế hành vi của bị cáo gây tổn thương cho bà Hoàng Thị T1 là 20% (hai mươi phần trăm) là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp để thực hiện.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết tội bị cáo Thảm Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Việc bị hại Hoàng Thị T1 trình bày bị cáo T dùng cây then cửa đánh nhiều lần để gây thương tích cho bà. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh C về cơ chế hình thành thương tích đối với vết thương của bị hại Hoàng Thị T1 là do vật tày gây nên, do vậy cả thanh then cửa và bồ cào mà bị cáo T dùng để ném bà T1 thì mặt ngoài của bồ cào thóc ném trúng bà T1 là phù hợp với các thương tích trên má bên trái của bà T1. Tại phiên tòa bà T1 không nhất trí với kết quả giám định pháp y, tuy nhiên khi nhận được kết quả giám định bà không có ý kiến khiếu nại gì. Căn cứ vào cơ chế hình thành vết thương, kết quả giám định pháp y, bệnh án của bà T1 sau khi xảy ra sự việc và thực tế thương tích của bà T1 là phù hợp với nhau do đó việc bà T1 cho rằng bị đánh nhiều lần là không có cơ sở. Nguyên nhân xảy ra sự việc là do gia

đình bị cáo và gia đình bị hại có mâu thuẫn về tranh chấp đất đai, bị cáo nghe thấy mẹ mình bị bà T1 chửi bới đã không làm chủ được cảm xúc của bản thân nên đã gây ra hành vi phạm tội. Đối với lời trình bày của người làm chứng Đoàn Thị Đ1 khi nghe được câu ông H nói “*Tuyên ơi ra đánh chết nó đi để bố đi tù thay*” thì sự việc bà T1 bị T đánh đã diễn ra xong do vậy không đủ căn cứ để xác định ông Thẩm Văn H đồng phạm với bị cáo T về hành vi “Cố ý gây thương tích” với vai trò là người cổ vũ, giúp sức.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Thẩm Văn T không có tiền án, tiền sự nên được coi là có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Sau khi xảy ra sự việc, do hai gia đình không thỏa thuận được mức bồi thường nên gia đình bị cáo đã tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để khắc phục một phần hậu quả. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phải cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự mới tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nhân thân tốt nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo T hưởng mức án dưới khung hình phạt khởi điểm của khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự 2015:

Sau khi xảy ra sự việc, bị cáo và gia đình bị cáo mong muốn thỏa thuận bồi thường với gia đình bị hại nhưng bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí liên quan đến điều trị vết thương tổng cộng là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Do mức bồi thường gia đình bị hại đưa ra quá cao bị cáo và gia đình không có đủ điều kiện để bồi thường nên không thỏa thuận được. Vì vậy, gia đình bị cáo đã tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để khắc phục một phần hậu quả. Do giữa bị cáo và bị hại không thỏa thuận được nên hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo quy định của Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp

dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì bị cáo Thẩm Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hoàng Thị T1 các khoản tiền sau:

- Chi phí khám bệnh, chữa bệnh thực tế có hóa đơn, chứng từ gồm: Chi phí điều trị nội trú, chi phí chụp CLVT sọ não, chi phí chụp X – Q là 876.000 đồng (T2 trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

- Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho bị hại: Qua hồ sơ bệnh án, bị hại vào Bệnh viện đa khoa huyện T điều trị từ ngày 17/10/2023 đến ngày 19/10/2023 chuyển ra Bệnh viện đa khoa tỉnh C điều trị đến ngày 27/10/2023 thì ra viện. Như vậy, thời gian bà T1 điều trị tại bệnh viện là 10 ngày.

- + Tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);

- + Tiền công mất thu nhập của bị hại 10 ngày (thời gian điều trị tại Bệnh viện): $10 \text{ ngày} \times 250.000 \text{ đồng/ngày} = 2.500.000 \text{ đồng}$ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng);

- + Tiền mất thu nhập của người phục vụ 10 ngày (thời gian bị hại điều trị tại Bệnh viện); theo phiếu lương tháng người phục vụ là anh Hoàng Doãn L (con trai bà T1) với mức thu nhập ngày công lao động là 550.000 đồng. Số tiền được chấp nhận sẽ là $10 \text{ ngày} \times 550.000 \text{ đồng/ngày} = 5.500.000 \text{ đồng}$ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng);

- + Tiền xe đi lại từ Đàm T3 đến Bệnh Viện T và từ Bệnh viện đa khoa huyện T chuyển tuyến điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh C hai lượt cả đi và về, tổng số tiền là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 20% nên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại mức bồi thường bằng 10 lần mức lương cơ sở. Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần (10 lần mức lương cơ sở): $10 \times 1.800.000 = 18.000.000 \text{ đồng}$ (Mười tám triệu đồng).

Đối với tiền phí giám định tư pháp 535.000 đồng, bồi dưỡng giám định tư pháp 680.000 đồng; theo Điều 8 pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28/3/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, phiên dịch trong tố tụng quy định cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm thanh toán chi phí giám định. Còn chi phí ăn uống là chi phí sinh hoạt hàng ngày, do đó không được chấp nhận.

Tổng cộng các khoản chi phí hợp lý bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 31.376.000 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Xác nhận bị cáo Thẩm Văn T đã tạm nộp 10.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện, nay bị cáo còn phải bồi thường số tiền 21.376.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Ngoài các khoản yêu cầu được chấp nhận trên, các khoản yêu cầu khác của bị hại không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy cần tịch thu, tiêu hủy vật chứng là công cụ dùng vào việc phạm tội gồm: 01 (một) khúc gỗ màu nâu có kích thước 104 x 05cm, dày 06cm; 01 bồ cào bằng gỗ, cán dài 176cm, đường kính 3cm, đầu bồ cào 56x14cm, dày 2,5cm, phần đầu bồ cào được gắn ở đầu cán gỗ và 01 con dao quắm dài 50cm, bản rộng 07cm, chuôi bằng gỗ dài 10cm (do bà T1 không yêu cầu nhận lại).

[7] Về án phí: Bị cáo Thẩm Văn T là người dân tộc thiểu số sống ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và bị cáo có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho bị cáo được miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và quan điểm xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là thể hiện tính khoan dung, nhân đạo của pháp luật nên cần được cân nhắc khi nghị án.

Xét đề nghị xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của bị cáo là thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cần được xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Thẩm Văn T** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Thẩm Văn T 18 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 20/12/2023;

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các các Điều 584, 585, 586, 590 và các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015: Buộc bị cáo Thẩm Văn T phải bồi thường cho bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1973, trú tại: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 31.376.000 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Xác nhận bị cáo Thẩm Văn T đã tạm nộp 10.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, nay bị cáo còn phải bồi thường số tiền 21.376.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau: 01 (một) khúc gỗ màu nâu có kích thước 104 x 05cm, dày 06cm; 01 (một) bồ cào bằng gỗ, cán dài 176cm, đường kính 3cm, đầu bồ cào 56x14cm, dày 2,5cm, phần đầu bồ cào được gắn ở đầu cán gỗ; 01 con dao quắm dài 50cm, bản rộng 07cm, chuôi bằng gỗ dài 10cm.

Xác nhận số vật chứng trên đã chuyển sang cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trùng Khánh tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/02/2024.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Thẩm Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Phòng hồ sơ – CA tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan THA hình sự;
- Trại giam;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã Đ (bằng TB);
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: Ấn văn, THA hình sự và HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thúy Quỳnh